

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – H3 phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-PT
Ngày: 12 – 01 – 2021
V/v tranh chấp chia thừa kế
và tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “*tranh chấp chia thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số 161, đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Số 161A đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn T: Bà L2 Ngọc N là luật sư của Chi nhánh văn phòng luật sư Vạn Lý thuộc Đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Mỹ P, sinh năm 1961 (có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1981.

3. Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số 146B đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Tuyết S và chị Nguyễn Thị Tuyết N: Bà Ngô Mỹ P (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 044 đường Đoàn Thị Đ, Khóm A2, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B: Bà Nguyễn Thị L (có mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Thu Đ, sinh năm 1960 (có mặt).

6. Chị Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1981.

7. Anh Nguyễn Phát Đ, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Số 030B đường Đoàn Thị Đ, Khóm A2, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Nguyễn Tấn Đ: Bà Nguyễn Thị Thu Đ (có mặt).

8. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 01, Công Xi R, Phường A3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Bà Nguyễn Thị L (có mặt).

9. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Số 133 đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

10. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Số 151A đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

11. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 161 đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L1: Bà Nguyễn Thị L (có mặt).

12. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Số 44 đường Nguyễn Tri P, Khóm 3, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

13. Bà Nguyễn Thị Tuyết H3, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 161 đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Tuyết H3: Bà Nguyễn Thị L (có mặt).

14. Bà Nguyễn Thị Thanh L2, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Số 161A đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

15. Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 161A đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

16. Anh Nguyễn Văn K, sinh ngày 26/02/2000.

Địa chỉ: Số 161A đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Văn K: Ông Nguyễn Văn T (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:* Cha mẹ bà là cụ Nguyễn Văn N chết năm 1998 và cụ Nguyễn Thị P chết năm 2015. Cha mẹ có 11 người con gồm: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị Tuyết H3. Ngoài ra, cụ N và cụ P không còn người con nào và cũng không có cha mẹ nuôi, con nuôi. Cha mẹ của cụ Năm và cụ P đều chết trước khi cụ N và cụ P qua đời. Cụ N và cụ P chết có để lại di sản là phần đất có diện tích 293,3m², đất tọa L1 tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra, cụ N và cụ P không còn di sản nào khác. Cụ N chết không để lại di chúc, trước khi chết cụ P có lập di chúc ngày 19/10/2012, nội dung di chúc cụ P để lại toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của cụ P cho bà.

Nay bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N để lại theo quy định pháp luật và chia di sản thừa kế của cụ P theo di chúc là diện tích 293,3m², đất tọa L1 tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Đối với việc ông T yêu cầu bà trả diện tích 58,6m² bà không đồng ý vì đất do cha mẹ bà mua, tiền mua đất do cha mẹ bà đưa cho ông T trả cho Ủy ban nhân dân phường Q, chứ thực tế thời điểm đó ông T không có tiền mua nhà, đất, ông T chỉ đứng tên về mặt giấy tờ khi mua nhà, đất.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông thống nhất với trình bày của bà L về mối quan hệ gia đình. Ngày 18/10/1990, Công ty lương thực thị xã Bạc Liêu bán hóa giá cho Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã Bạc Liêu 01 căn nhà. Sau đó, Ủy ban nhân dân phường Q bán hóa giá lại căn nhà này cho ông với giá 600.000 đồng, nhà có chiều ngang 5m, dài 12m. Năm 1993, cha ông kêu ông đổi đất bằng miệng, không làm giấy tờ gì và cũng không ai chứng kiến. Nghe lời cha nên ông đã đổi nền đất từ căn nhà mua hóa giá nêu trên cho cha mẹ ông và ông lấy nền đất là nhà hiện nay ông đang ở là nhà số 161A đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Đối với nền đất ông mua hóa giá hiện nay bà L đang ở là nhà số 161, đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi đổi đất, năm 1994 ông đã xây dựng nhà và ở tại đây 27 năm nay, nên ông yêu cầu bà L giao trả phần đất trên.

Đối với việc bà L yêu cầu chia thừa kế thì ông có ý kiến như sau: Sau khi trừ đi diện tích 58,6m² đất, diện tích đất còn lại ông thừa nhận là di sản cha mẹ ông để lại, ngoài ra cụ Năm, cụ Phụng không còn di sản nào khác. Ông không hay biết gì về việc ngày 19/10/2012 mẹ ông là cụ P có để di chúc lại cho bà L toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của cụ P. Ông không thừa nhận tính pháp lý của di chúc này nên ông chỉ đồng ý chia thừa kế di sản cha mẹ ông để lại theo pháp luật. Đối với kỉ phần thừa kế mà ông được nhận hưởng, ông yêu cầu được nhận hiện vật cộng với phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông là 58,6m² vì gia đình ông đang ở trên diện tích đất này, gia đình ông không còn chỗ ở nào khác, ông sẽ hoàn trả giá trị đất cho các đồng thừa kế khác kỉ phần thừa kế mà họ được nhận hưởng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị L, bà Ngô Mỹ P thống nhất trình bày:* Các bà thống nhất với lời trình bày của bà L về mối quan hệ gia đình và di sản cụ N và cụ P để lại là 293,3m² đất tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra, cụ N và cụ P không còn di sản nào khác. Ngày 19/10/2012, cụ P có lập di chúc cho bà L toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của cụ P, tất cả các anh chị em trong gia đình đều biết sự việc này. Các bà thống nhất cho bà L kỉ phần thừa kế mà họ được nhận hưởng. Đối với việc ông T yêu cầu bà L trả lại quyền sử dụng diện tích 58,6m² thì các bà không đồng ý với yêu cầu này của ông T vì thời điểm T mua nhà (năm 1990) ông T không có khả năng có 600.000 đồng để mua nhà mà cụ N, cụ P là người đưa tiền cho ông T đứng tên mua nhà, đất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu Đ, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Nguyễn Phát Đ trình bày:* Bà Đ, chị L và anh Đ thống nhất với trình bày của bà L về mối quan hệ gia đình và di sản cụ N và cụ P để lại diện tích đất 293,3 m² tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra, cụ N và cụ P không còn di sản nào khác. Nay bà L yêu cầu chia thừa kế thì bà Đ, chị L, anh Đ yêu cầu được nhận hưởng kỉ phần thừa kế mà bà Đ và chị L, anh Đ được nhận hưởng trong phần di sản của cụ N, cụ P để lại và yêu cầu được nhận giá trị. Đối với việc ông T yêu cầu bà L trả lại phần đất có diện tích 58,6m² thì bà Đ, chị L và anh Đ không ý kiến. Bà Đ, chị L và anh Đ thống nhất với nội

dung biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản tranh chấp ngày ngày 20/12/2019 và ngày 16/9/2020. Bà Đ và chị L, anh Đ thống nhất xác định cấu trúc nhà cấp IV hiện tại bà L đang quản lý sử dụng là do bà L xây dựng nên và cấu trúc nhà cấp IV hiện tại ông T đang quản lý sử dụng là do ông T xây dựng nên, không phải là di sản thừa kế của cụ N, cụ P.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh L2 trình bày:* Bà thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông T và thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của ông T, không bổ sung gì thêm. Bà thống nhất với nội dung biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản tranh chấp ngày 20/12/2019 và ngày 16/9/2020.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Văn K ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T trình bày:* Chị T, anh K thống nhất ý kiến của ông đã trình bày, không ý kiến gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Tuyết H3 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà B, bà H, bà L1, bà H3 thống nhất ý kiến của bà đã trình bày và đồng ý cho bà được nhận hưởng kỉ phần thừa kế mà bà B, bà H, bà L1, bà H3 được nhận hưởng trong khối di sản thừa kế mà cụ N, cụ P để lại.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, đã tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu chia thừa kế căn nhà cấp IV tọa L1 tại số 161 đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Năm và cụ Nguyễn Thị Phụng là diện tích 234,7m², đất tọa L1 tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn N và cụ Nguyễn Thị P là diện tích 58,6m², đất tọa L1 tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả lại quyền sử dụng diện tích 1,4m², đất tọa L1 tại số 161 đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả lại quyền sử dụng diện tích 58,6m², đất tọa L1 tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

6. Bà Nguyễn Thị L được toàn quyền sử dụng đối với diện tích 144,9m², đất tọa L1 tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có vị trí và số đo kèm theo.

7. Ông Nguyễn Văn T được toàn quyền sử dụng đối với diện tích 148,4m², đất tọa L1 tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có vị trí và số đo kèm theo.

8. Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 556.403.584 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu Đ, chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Nguyễn Phát Đ mỗi người số tiền là 25.751.805 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 15/10/2020 bà L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà đối với diện tích đất 58,6m² tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Ngày 14/10/2020 ông T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của ông buộc bà Nguyễn Thị L giao trả phần đất có diện tích 58,6m² tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và không đồng ý yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 234,7m².

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về vụ án: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị L và bị đơn ông Nguyễn Văn T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 75/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T làm trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Luật sư Lê Ngọc N bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông và đề nghị tiếp tục xét xử vụ án, nên tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Ngọc N là phù hợp.

[3] Cụ Nguyễn Văn N chết năm 1998 và cụ Nguyễn Thị P chết năm 2015; cụ N và cụ P có 11 người con chung gồm: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị Tuyết H3. Ngoài ra, cụ N và cụ P không còn người con nào và cũng không có cha mẹ nuôi, con nuôi. Cha mẹ của cụ N và cụ P đều chết trước cụ N và cụ P. Ông Nguyễn Văn H chết năm 2016; ông H có vợ là bà Ngô Mỹ P và 02 người con là Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Thị Tuyết S. Ngoài ra, ông H không còn người con nào khác. Ông Nguyễn Văn B1 chết năm 2010; ông B1 có vợ là bà Nguyễn Thị Thu Đ và 02 người con là Nguyễn Thị Kiều L và Nguyễn Phát Đ. Ngoài ra, ông B1 không còn người con nào khác.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, yêu cầu cấp phúc thẩm chia thừa kế diện tích đất 58,6m², tọa L1 tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bàn giao nhà ngày 18/10/1990 (bút lục 328), Biên bản thanh lý nhà ở phân xưởng XNCB ngày 18/10/1990 (bút lục 327), Phiếu thu số 174, ngày 15/10/1990 (bút lục 326), Biên bản xác minh ông Trương Văn K (bút lục 257) và ông Nguyễn Văn V (bút lục 256) có căn cứ xác định phần đất diện tích 58,6m², tọa L1 tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B là do ông Nguyễn Văn T nhận chuyển nhượng từ Ủy ban nhân dân Phường Q với giá 600.000 đồng. Bà L và các đồng thừa kế khác xác định ông T là người trực tiếp đứng ra mua và thanh toán tiền nhưng nguồn tiền mua phần đất này là của cụ N và bà P đưa cho ông T. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày ra thì bà L và các hàng thừa kế khác không có chứng cứ chứng minh, trong khi đó ông T xác định ông đứng tên nhận chuyển nhượng đất và tiền mua đất là của ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L là người kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L. Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất diện tích 58,6m² thuộc quyền sở hữu của ông T không phải là di sản thừa kế là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Như đã phân tích ở mục [4] phần đất diện tích 58,6m² tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có căn cứ xác định thuộc quyền sở hữu của ông T. Tuy nhiên, ông T xác định vào năm 1993 giữa ông và cụ N có việc đổi đất và từ khi đổi đất, ông và cụ N đã xây dựng căn nhà trên phần đất đổi, ông đã đăng ký kê khai một phần diện tích đất ông đã đổi với cụ N. Xét thấy, việc hoán đổi đất này không có ý kiến của cụ P nhưng các bên đã sử dụng ổn định trong thời gian dài, không phát sinh tranh chấp, khi còn sống cụ P cũng không có ý kiến phản đối, nên có cơ sở xác định cụ P đã đồng ý với việc hoán đổi đất này. Về phía ông T đã sử dụng phần đất hoán đổi với cụ N gần 30 năm, theo đó ông T đổi nhà, đất mua hóa giá từ Ủy ban nhân dân phường Q với diện tích 58,6 m² lấy diện tích đất liền kề 58,6 m² và cất nhà ở ổn định cho đến nay (căn nhà số 161A). Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng

cáo của ông T về việc ông T yêu cầu bà L trả lại quyền sử dụng diện tích đất 58,6 m².

[5.2] Ông T không đồng ý yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 234,7 m² và tại phiên tòa phúc thẩm, ông T trình bày trong phần diện tích này có một phần do ông tự lấn sông và bồi đắp. Xét thấy, quá trình tham gia tố tụng ở cấp sơ thẩm, ông T xác định toàn bộ diện tích đất sau khi trừ 58,6m² phần đất còn lại là của cha mẹ ông để lại, ông không biết tại sao cha ông lại kê khai diện tích ít hơn so với diện tích thực tế sử dụng. Ngoài lời trình bày, ông T không có chứng cứ chứng minh ông có bồi đắp lấn sông, các hàng thừa kế khác là anh chị em ruột của ông T đều xác định phần đất nêu trên là của cụ N và cụ P; ông T không có bồi đắp lấn sông, nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông T. Như vậy, có căn cứ xác định diện tích đất 234,7m² là di sản do cụ N và cụ P để lại.

[5.3] Cụ N chết năm 1998 không để lại di chúc. Căn cứ theo quy định tại Điều 675, Điều 676, Điều 677 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì di sản của cụ N để lại được chia theo pháp luật. Cụ P chết năm 2015, có để lại “LỜI CHỨC THƯ” lập vào ngày 09/10/2012 có chữ ký, có dấu lấn tay của cụ P và có hai người làm chứng là ông Mã Văn T và bà Dương Thị X cùng ký chứng kiến việc lập lời chúc thư. Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Mã Văn T và bà Dương Thị X đều thống nhất xác định có trực tiếp chứng kiến cụ P ký tên và lấn tay vào lời chúc thư, đồng thời theo Chứng chỉ chuyên khoa tâm thần của Trung tâm pháp y tỉnh Bạc Liêu ngày 22/8/2012 xác nhận cụ Nguyễn Thị P “*đương sự tỉnh táo, định hướng L đúng, cảm xúc B1thường, không ghi nhận ảo giác, Hoang tưởng, hành vi yên tĩnh, trí nhớ B1thường, trí tuệ B1thường, kết luận: Hiện tại bà Nguyễn Thị P không mắc bệnh tâm thần*”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định “LỜI CHỨC THƯ” của cụ P lập ngày 09/10/2012 là đúng quy định pháp luật và di chúc này là di chúc hợp pháp nên di sản của cụ P được chia theo nội dung di chúc là phù hợp quy định pháp luật.

[5.4] Di sản của cụ Năm là $\frac{1}{2}$ diện tích đất $234,7\text{m}^2 = 117,35\text{m}^2$ sẽ được chia 12 kỷ phần bằng nhau cho vợ và các con cụ N gồm: Cụ Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị Tuyết H3 mỗi người được nhận 9,779m², tương đương giá trị 77.255.416 đồng. Di sản của cụ P là $\frac{1}{2}$ diện tích đất $234,7\text{m}^2 = 117,35\text{m}^2$ và diện tích 9,779m² cụ P hưởng từ cụ N, tổng cộng di sản của cụ P là 127,129m². Phần diện tích đất này cụ P đã làm di chúc hợp pháp để lại cho bà L nên bà L được hưởng. Các đồng thừa kế còn khác đều thống nhất giao kỷ phần thừa kế của họ cho bà L được hưởng, ngoại trừ ông T và vợ con của ông B1có yêu cầu được nhận. Như vậy, bà L được hưởng di sản của cụ N và cụ P là 215,140m²; ông T được hưởng 9,779m² và diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông T 58,6m²; vợ và con ông B1gồm bà Nguyễn Thị Thu Đ, chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Nguyễn Tấn Đ được hưởng kỷ phần của ông B1là 9,779m².

[5.5] Phần đất ông T được hưởng thừa kế 9,779m² và phần đất thuộc quyền sử dụng của ông T 58,6m²; tổng cộng là 68,379m². Tuy nhiên, ông T đang quản lý sử dụng diện tích 148,4m² và hiện nay trên phần đất này ông T đã cất nhà ở ổn định, gia đình ông T không còn chỗ ở nào khác, nên cần giao phần đất trên cho gia đình ông T quản lý, sử dụng và buộc ông T hoàn giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế khác đối với diện tích 80,021m², tương đương số tiền 632.165.900 đồng, trong đó hoàn giá trị diện tích đất 70,242m² cho bà L, tương đương số tiền 554.910.484 đồng và hoàn giá trị kỷ phần diện tích 9,779m² cho vợ và con ông B1 gồm bà Đ, chị L và anh Đ mỗi người số tiền 25.751.805 đồng. Bà L hiện đang quản lý, sử dụng diện tích 144,9m² được tiếp tục quản lý, sử dụng.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 5.641.517 đồng, đã chi xong. Bà L, ông T mỗi người phải chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.820.758 đồng; bà L đã nộp tạm ứng 2.260.000 đồng, ông T đã nộp tạm ứng 3.381.517 đồng; nên buộc bà Nguyễn Thị L phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 560.758 đồng.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà L và ông T không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T; có căn cứ chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 75/2020/DS-ST, ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Đa khoản 1 Điều 35; Đa, c khoản 1 Điều 39 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 649, khoản 2 Điều 650, Điều 652, Điều 653, Điều 654, Điều 656, Điều 675, Điều 676, Điều 677 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688, Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu chia thừa kế căn nhà cấp IV tọa L1 tại số 161 Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Năm và cụ Nguyễn Thị P diện tích $234,7m^2$, đất tọa L1 tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Năm và cụ Nguyễn Thị P đối với diện tích $58,6m^2$, đất tọa L1 tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả lại quyền sử dụng diện tích $1,4 m^2$, đất tọa L1 tại số 161 đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả lại quyền sử dụng diện tích $58,6 m^2$, đất tọa L1 tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

6. Bà Nguyễn Thị L được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích $144,9m^2$, đất tọa L1 tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có tứ cạnh cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Văn C có số đo là $7,98m + 0,36m + 2,74m + 2,93m + 5,82m$.

- Hướng Tây giáp với phần đất ông T đang quản lý sử dụng và sông Bạc Liêu - Cà Mau có số đo $11,53m + 0,77m + 3,8m + 1,61m + 6,74m + 1,51m + 5,41m$.

- Hướng Nam giáp phần đất ông Nguyễn Văn C có số đo là $16,21m$.

- Hướng Bắc giáp đường Đoàn Thị Đ có số đo là $4,19m + 0,68m$.

7. Ông Nguyễn Văn T được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích $148,4m^2$, đất tọa L1 tại đường Đoàn Thị Đ, Khóm A, Phường A1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có tứ cạnh cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất bà L đang quản lý sử dụng có số đo $11,53m$.

- Hướng Tây giáp sông Bạc Liêu - Cà Mau có số đo là $14,42m$.

- Hướng Nam giáp với phần đất bà L đang quản lý sử dụng có số đo $0,77m + 3,8m + 1,61m + 6,74m + 1,51m$.

- Hướng Bắc giáp đường Đoàn Thị Đ có số đo là $1,03m + 4,15m + 3,76m + 0,60m$.

8. Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị L số tiền 554.910.484 đồng (năm trăm năm mươi bốn triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm tám mươi bốn đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Thu Đ, chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Nguyễn Phát Đ mỗi người số tiền là 25.751.805 đồng (hai mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi một nghìn tám trăm lẻ năm đồng).

9. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

10. Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T được quyền đăng ký kê khai đề cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất được chia nêu trên.

11. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng số tiền 5.641.517 đồng, đã chi xong. Bà L, ông T mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 2.820.758 đồng; bà L đã nộp tạm ứng số tiền 2.260.000 đồng, ông T đã nộp tạm ứng số tiền 517 đồng; nên buộc bà L phải hoàn trả cho ông T số tiền 560.758 đồng (năm trăm sáu mươi nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng).

12. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí 62.988.400 đồng. Bà L đã nộp tạm ứng án phí 34.430.000 đồng theo biên lai thu số 0008148 ngày 26/4/2018 và biên lai thu tiền số 0006693 ngày 04/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, bà L còn phải nộp tiếp số tiền 28.558.400 đồng.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí đối với kỷ phần thừa kế được hưởng là 3.862.770 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu đòi đất không được chấp nhận là 300.000 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng án phí 11.480.000 đồng theo biên lai thu số 0000823 ngày 26/7/2019, được khấu trừ, ông T được hoàn lại số tiền 7.317.230 đồng.

Chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Nguyễn Phát Đ mỗi người phải chịu án phí 1.287.500 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu Đ thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí.

13. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng. Bà L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007158 ngày 16/10/2020 tại Chi cục thi hành án thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007159 ngày 16/10/2020 tại Chi cục thi hành án thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

14. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thanh Dũng